

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản số: 12/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 15/5/2024

**V/v: Không Công nhận quan hệ vợ chồng
và chia tài sản chung.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Quyền

2. Bà Dương Thị Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Kim Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Không Công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm K, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Triệu Tiến P, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Cao Xuân N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày: Năm 2009 Chị và anh Triệu Tiến P về chung sống với nhau, Không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và không làm thủ tục đăng ký kết

hôn. Quá trình chung sống có một con chung là cháu cháu Triệu Văn P1, sinh ngày 14/01/2021. Về tài sản chung có : Có 01 nhà sàn 5 gian, cột gỗ sến thuộc gỗ nhóm hai, lợp ngói đỏ, vách ngăn gỗ tạp, sàn giải bằng gỗ tạp, tường bao tầng 1 bằng gạch xilicat; 01 nhà bếp, một tầng xây gạch xilicat, lợp mái tôn; một mái tôn cột thép; một sân bê tông; 6 tấm gỗ cây Săng; 1660 cây keo, đường kính trung bình từ 15cm – 20cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 20000m² thuộc lô 7, khoảnh 8, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 600 cây keo, đường kính trung bình từ 10cm -15cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 6000m² thuộc lô 1, khoảnh 6, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 2000 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm- 10cm được trồng trên diện tích 25600m² thuộc thửa số 39, khoảnh 1 tiểu khu C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 600 cây Bạch đàn trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 07cm – 10cm được trồng trên diện tích 12500m² thuộc thửa số 33 khoảnh 1 tiểu khu 327A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 500 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm-10cm; 3000 cây Bạch đàn trồng tháng 6/2023 có đường kính trung bình từ 1cm-3cm được trồng trên diện tích 24486m² thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 1000 cây Bạch đàn có đường kính từ 1cm - 3cm được trồng trên đất của mẹ đẻ chị H. Về khoản nợ chung : Không có.

Về nguyên nhân đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng: Năm 2009 chị và anh P về chung sống với nhau trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đến tháng 2 năm 2022 chị và con đã về bên mẹ đẻ để sinh sống. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho chị và anh P.

Về con chung: Chị đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Triệu Văn P1, sinh ngày 14/01/2021; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng trên một tháng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung trong quá trình giải quyết vụ án chị và anh P đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết các tài sản cụ thể sau: 01 nhà sàn 5 gian, cột gỗ sến thuộc gỗ nhóm hai, lợp ngói đỏ, vách ngăn gỗ tạp, sàn giải bằng gỗ tạp, tường bao tầng 1 bằng gạch xilicat; 01 nhà bếp, một tầng xây gạch xilicat, lợp mái tôn; 01 mái tôn cột thép; 01 sân bê tông; 06 tấm gỗ cây Săng; 1660 cây keo, đường kính trung bình từ 15cm – 20cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 20000m² thuộc lô 7, khoảnh 8, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 600 cây keo, đường kính trung bình từ 10cm -15cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 6000m² thuộc lô 1, khoảnh 6, tiểu khu H (Chưa

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 2000 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm- 10cm được trồng trên diện tích 25600m² thuộc thửa số 39, khoảnh 1 tiểu khu C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 600 cây Bạch đàn trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 07cm – 10cm được trồng trên diện tích 12500m² thuộc thửa số 33 khoảnh 1 tiểu khu 327A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 500 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm-10cm; 1000 cây Bạch đàn có đường kính từ 1cm - 3cm được trồng trên đất của mẹ đẻ chị H.

Đối với diện tích 24846m² đất thuộc thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và 3000 cây Bạch đàn trồng tháng 6/2023 có đường kính trung bình từ 1cm-3cm được trồng trên diện tích 24846m² thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V chị đề nghị giải quyết trong vụ án và chị đề nghị được quản lý sử dụng.

Về nợ chung : Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí; Chị H nhận nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Triệu Tiến P trình bày: Anh P thừa nhận năm 2009 anh và chị H về chung sống với nhau không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Về con chung có một con chung là cháu Triệu Văn P1, sinh ngày 14/01/2021. Về tài sản chung có : Có 01 nhà sàn 5 gian, cột gỗ sến thuộc gỗ nhóm hai, lợp ngói đỏ, vách ngăn gỗ tạp, sàn giải bằng gỗ tạp, tường bao tầng 1 bằng gạch xilicat; 01 nhà bếp, một tầng xây gạch xilicat, lợp mái tôn; một mái tôn cột thép; một sân bê tông; 6 tấm gỗ cây Săng; 1660 cây keo, đường kính trung bình từ 15cm – 20cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 20000m² thuộc lô 7, khoảnh 8, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 600 cây keo, đường kính trung bình từ 10cm -15cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 6000m² thuộc lô 1, khoảnh 6, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 2000 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm- 10cm được trồng trên diện tích 25600m² thuộc thửa số 39, khoảnh 1 tiểu khu C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 600 cây Bạch đàn trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 07cm – 10cm được trồng trên diện tích 12500m² thuộc thửa số 33 khoảnh 1 tiểu khu 327A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 500 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm-10cm; 3000 cây Bạch đàn trồng tháng 6/2023 có đường kính trung bình từ 1cm-3cm được trồng trên diện tích 24486m² thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 1000 cây Bạch đàn có đường kính từ 1cm - 3cm được trồng trên đất của mẹ đẻ chị H. Về khoản nợ chung : Không có. Trong quá trình giải quyết vụ án anh và chị H đã thỏa

thuận với nhau được một số tài sản và không yêu cầu Tòa án giả quyết gồm: 01 nhà sản 5 gian, cột gỗ sến thuộc gỗ nhóm hai, lợp ngói đỏ, vách ngăn gỗ tạp, sàn giải bằng gỗ tạp, tường bao tầng 1 bằng gạch xilicat; 01 nhà bếp, một tầng xây gạch xilicat, lợp mái tôn; 01 mái tôn cột thép; 01 sân bê tông; 06 tấm gỗ cây Săng; 1660 cây keo, đường kính trung bình từ 15cm – 20cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 20000m² thuộc lô 7, khoảnh 8, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 600 cây keo, đường kính trung bình từ 10cm - 15cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 6000m² thuộc lô 1, khoảnh 6, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 2000 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm- 10cm được trồng trên diện tích 25600m² thuộc thửa số 39, khoảnh 1 tiểu khu C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 600 cây Bạch đàn trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 07cm – 10cm được trồng trên diện tích 12500m² thuộc thửa số 33 khoảnh 1 tiểu khu 327A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 500 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm-10cm; 1000 cây Bạch đàn có đường kính từ 1cm - 3cm được trồng trên đất của mẹ đẻ chị H.

Tại phiên tòa hôm nay anh nhất trí để chị H chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Triệu Văn P1, sinh ngày 14/01/2021; Về cấp dưỡng nuôi con nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu P1 1.000.000 đồng /1 tháng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Nhất trí để chị H quản lý sử dụng 24846m² đất thuộc thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và 3000 cây Bạch đàn trồng tháng 6/2023 có đường kính trung bình từ 1cm-3cm được trồng trên diện tích 24846m² thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn nhất trí theo như trình bày và đề nghị của bị đơn tại phiên tòa.

Kết thúc phần hỏi vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Triệu Tiến P.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh P như sau: Chị H có

trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Triệu Văn P1, sinh ngày 14/01/2021 cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi: con anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu P1 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một tháng kể từ ngày tuyên bản án, cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh P cụ thể: Chị H có quyền quản lý sử dụng 24846m² đất thuộc thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và 3000 cây Bạch đàn trồng tháng 6/2023 có đường kính trung bình từ 1cm-3cm được trồng trên diện tích 24846m² thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V.

Về Khoản nợ chung: Không có không giải quyết.

Về án phí Chị H phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản. Anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị H và anh P đều có đơn xin miễn án phí vì chị H và anh P là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn vì vậy căn cứ điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của UBTWQH miễn án phí ly hôn, án phí chia tài sản, án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị H và anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung: Năm 2009 Chị Triệu Thị H và anh Triệu Tiến P về chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn như vậy theo quy định tại Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội

đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Triệu Tiến P.

Về con chung: Chị H và anh P có một con chung là cháu Triệu Văn P1, sinh ngày 14/01/2021. Chị hạnh và anh P thỏa thuận thống nhất để chị H có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu P1 đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con anh P có trách nhiệm cấp dưỡng 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 tháng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị hạnh và anh P.

Về Tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh P đã tự thỏa thuận với nhau một phần tài sản, chị H đã rút một phần yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết gồm: 01 nhà sàn 5 gian, cột gỗ sên thuộc gỗ nhóm hai, lợp ngói đỏ, vách ngăn gỗ tạp, sàn giải bằng gỗ tạp, tường bao tầng 1 bằng gạch xilicat; 01 nhà bếp, một tầng xây gạch xilicat, lợp mái tôn; 01 mái tôn cột thép; 01 sân bê tông; 06 tấm gỗ cây Săng; 1660 cây keo, đường kính trung bình từ 15cm – 20cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 20000m² thuộc lô 7, khoảnh 8, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 600 cây keo, đường kính trung bình từ 10cm -15cm trồng từ năm 2018 được trồng trên tổng diện tích 6000m² thuộc lô 1, khoảnh 6, tiểu khu H (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 2000 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm- 10cm được trồng trên diện tích 25600m² thuộc thửa số 39, khoảnh 1 tiểu khu C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 600 cây Bạch đàn trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 07cm – 10cm được trồng trên diện tích 12500m² thuộc thửa số 33 khoảnh 1 tiểu khu 327A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Tiến P cấp ngày 13/02/1998; 500 cây Mỡ trồng từ năm 2021 có đường kính trung bình từ 7cm-10cm; 1000 cây Bạch đàn có đường kính từ 1cm - 3cm được trồng trên đất của mẹ đẻ chị H. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Còn phần tài sản chung gồm: 24846m² đất thuộc thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị là 248.460.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) và 3000 cây Bạch đàn trồng tháng 6/2023 có đường kính trung bình từ 1cm-3cm có trị giá là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) được trồng trên diện tích 24846m² thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị H và anh P thống nhất thỏa thuận giao cho chị H quản lý sử dụng 24846m² đất thuộc thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị là 248.460.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) và 3000 cây Bạch đàn trồng tháng 6/2023 có đường kính trung bình từ 1cm-3cm có trị giá là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm

ngàn đồng) được trồng trên diện tích 24846m² thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tổng giá trị là 270.960.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Về khoản nợ chung: Không có chị H và anh P không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí:Chị H phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng và 13.548.000đồng tiền án phí chia tài sản. Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị H và anh P đều có đơn xin miễn nộp toàn bộ án phí vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản cho chị H và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh P vì chị H và anh P là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28;35;39; 147; 235 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9; 14; 53; 58; 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Triệu Tiến P.

2.Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh P: Giao cho chị H có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Văn Phán, sinh ngày 14/01/2021 cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh P có quyền đi lại thăm con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh P: Anh P có trách nhiệm cấp dưỡng 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 tháng kể từ ngày tuyên bản án cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Triệu Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Triệu Tiến P không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh P còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi xuất.

3.Về tài sản chung: Giao cho chị H quản lý sử dụng 24846m² đất thuộc thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị là 248.460.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) và 3000 cây Bạch đàn trồng tháng 6/2023 có đường kính trung bình từ 1cm-3cm có trị giá là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) được trồng trên diện tích 24846m² thửa 376 tờ bản đồ

số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V tổng giá trị là 270.960.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Chị H có trách nhiệm kê khai với cấp có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 24846m² đất thuộc thửa 376 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu và không có nợ chung.

5. Án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản cho chị Triệu Thị H; Miễn án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Triệu Tiến P. Hoàn trả cho chị Triệu Thị H 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị hạnh đã nộp theo biên lai thu số 0006483 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

6. Về chi phí tố tụng: Chị H phải chịu 19.900.000 đồng (mười chín triệu chín trăm nghìn đồng). Anh P phải chịu 19.900.000 đồng (mười chín triệu chín trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng gồm tiền đo đạc thẩm định và định giá tài sản. Toàn bộ số tiền trên chị H đã nộp cho Tòa án và được quyết toán. Anh P phải có trách nhiệm trả cho chị H 19.900.000 đồng (mười chín triệu chín trăm nghìn đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Huyền

